

**CÔNG TY TNHH MAGIC LED**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MAGIC LED

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAGIC LED COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110274853

**3. Ngày thành lập:** 07/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 07, Liền kề 14, Khu đô thị mới Phú Lương, Phường Phú La, Quận Hà Đông,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0357693997

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị<br>+ Hệ thống âm thanh, ánh sáng<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330     |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4390     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4610     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; đèn led;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu: nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi. | 4649     |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651     |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4653     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác: vật tư, máy móc âm thanh, ánh sáng; máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.</li> </ul> | 4659 |
| 10. | <p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán buôn quặng kim loại;</p> <p>Bán buôn sắt, thép;</p> <p>Bán buôn kim loại khác: đồng, chì, nhôm, kẽm, inox và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình.</p> <p>(trừ kinh doanh vàng)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4662 |
| 11. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chẻ biền; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni: sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép; bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm ... Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh: - gạch lát sàn, gạch ốp tường; bình đun nước nóng; thiết bị vệ sinh: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác... Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663 |
| 12. | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>(Trừ loại Nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4669 |
| 13. | <p>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</p> <p>Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức.</p> <p>(Trừ hợp báo)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8230 |
| 14. | <p>Quảng cáo</p> <p>(Trừ hoạt động cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7310 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Hoạt động trang trí nội thất, ngoại thất                                                                                                                                                                                    | 7410 |
| 16. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690 |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4933 |
| 18. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5210 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.                                                                                                                                                                                                                    | 5229 |
| 20. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5912 |
| 21. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>Chi tiết:<br>- Đồ dệt, trang phục và giày dép;<br>- Đồ đạc, gốm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng;<br>- Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...;<br>- Sách, tạp chí;<br>- Hoa và cây;<br>- Thiết bị điện cho gia đình.                                                                                                                                                               | 7729 |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: thiết bị âm thanh, ánh sáng, phong màn, thiết bị tạo hiệu ứng khói, lửa (sân khấu) | 7730 |
| 23. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8130 |
| 24. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3312 |
| 25. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3313 |
| 26. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3314 |
| 27. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3319 |
| 28. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3320 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết:<br>Hoạt động lắp đặt hệ thống điện:<br>+ Dây dẫn và thiết bị điện,<br>+ Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học,<br>+ Hệ thống chiếu sáng; đèn led;<br>+ Hệ thống báo động chống trộm,<br>+ Tín hiệu điện và đèn trên đường phố,<br>+ Hoạt động kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình. | 4321(Chính) |
| 30. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                   | 4741        |
| 31. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4742        |
| 32. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                     | 4752        |
| 33. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                  | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

#### **7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                         | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THẮNG HÙNG | Việt Nam  | Thôn Hương Vinh, Thị Trấn Gia Bình, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                    | 3.000.000.000         | 60,000    | 027094007092                                                                                            |         |
| 2   | BÙI ANH DUY     | Việt Nam  | Số 23 đường Thành Quách, thôn Quếch, Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2.000.000.000         | 40,000    | B9546178                                                                                                |         |

#### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN THẮNG HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/10/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027094007092

Ngày cấp: 31/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hương Vinh, Thị Trấn Gia Bình, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hương Vinh, Thị Trấn Gia Bình, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội